

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2020/HS-ST
Ngày: 11-5-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi.
Bà Thiều Thị Phi Loan.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 175/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Đức K, sinh ngày 24 tháng 8 năm 1995 tại Hậu Giang; Nơi cư trú: ấp 5, xã H, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N (đã chết) và bà Trần Thị U, sinh năm 1969; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ 3 và chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/09/2019 (Có mặt).

2. Lê Đức Q, sinh ngày 31 tháng 5 năm 1999 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: tổ 18, khu phố 5A, phường D, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ) và bà Lê Thị M, sinh năm 1971; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình và chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/09/2019.

3. Phạm Anh Đ, sinh năm 1983 tại Nam Định; Nơi cư trú: 6/3/122, đường Thái Bình, phường T, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1, sinh năm 1947 và bà Trần Thị Đ1, sinh năm 1951; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con út trong gia đình và chưa có vợ, con.

Nhân thân:

- Ngày 17/10/2001, bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Ngày 24/02/2003, bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Ngày 20/03/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 10/10/2008, bị Tòa án nhân dân Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền án:

- Ngày 22/6/2010, bị Tòa án nhân dân Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 04 năm 03 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản”.

- Ngày 10/12/2013, bị Tòa án nhân dân Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 05 năm 06 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản”.

Tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23/9/2019.

Bị hại:

Chị Nguyễn Thị Bích T2, sinh năm 1988; Nơi cư trú: 62A/11 tổ 12, khu phố 5A, phường D, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

Anh Nguyễn Trung K1, sinh năm 1984; Nơi cư trú: 87H/12A tổ 22, khu phố 2, phường D, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đỗ Hùng L, sinh năm 1989; Nơi cư trú: 157/1A tổ 7, khu phố Đông Tác, phường A, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (Có mặt).

Anh Nguyễn Như P, sinh năm 1992; Nơi cư trú: 23 khu phố 9, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Có đơn xin vắng mặt).

Anh Đỗ Văn T3, sinh năm 1980; Nơi cư trú: 52/17 tổ 21, khu phố 5A, phường D, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ 01: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 30/8/2019, Lê Đức K đem theo 01 mô lét rử Lê Đức Q đi trộm cắp tài sản thì Q đồng ý. Cả hai đi bộ đến khu vực khu

phố 5A, phường D, thành phố Biên Hòa thì phát hiện nhà của chị Nguyễn Thị Bích T2 cửa khóa và không có người trông coi nên K dùng mỏ lết bẻ gãy khoen khóa cửa rồi cả hai đột nhập vào bên trong trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda Lead, biển số 60B4- 411.36 và đem về gửi tại phòng trọ của chị Lý Thị Ngọc L1 (là bạn của Q) ở khu phố 5, phường D, thành phố Biên Hòa. Sau đó, Q giả vờ nói với chị L1 là xe mô tô trên Q mượn của vợ của K để đem đi cầm nhưng Q không có giấy chứng minh nhân dân nên nhờ chị L1 đi cầm dùm, tưởng thật nên chị L1 đồng ý. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, chị L1 đi cùng K và Q đem xe mô tô trên đến tiệm cầm đồ “L Hùng” ở khu phố Đông Tác, phường A, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương và cầm cho anh Đỗ Hùng L (là chủ tiệm) được 10.000.000 đ (Mười triệu đồng), sau đó K chia cho Q 3.800.000 đ (ba triệu tám trăm ngàn đồng), còn lại Q và K cùng nhau tiêu xài hết.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô hiệu Honda Lead, biển số 60B4- 411.36.

Tại Kết luận định giá số 514/TCKH-HĐĐG ngày 10/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: *“01 xe mô tô hiệu Honda Lead, biển số 60B4- 411.36 trị giá 19.145.000 đ (Mười chín triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)”*.

Vụ thứ 02: Khoảng 01 giờ 30 ngày 05/9/2019, K tiếp tục đem theo 01 mỏ lết và rủ Q đi trộm cắp tài sản thì Q đồng ý. Cả hai đi bộ đến khu vực khu phố 2, phường D, thành phố Biên Hòa thì phát hiện nhà anh Nguyễn Trung K1, ở tổ 22A, khu phố 2, phường D khóa cổng và khóa cửa ngoài nên cả hai trèo qua hàng rào vào bên trong sân rồi K dùng mỏ lết bẻ gãy khoen khóa cửa để đột nhập vào trong nhà lấy trộm 01 máy tính xách tay hiệu Dell, 01 điện thoại di động hiệu Motorola, 01 điện thoại di động hiệu Philip, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6700, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rado, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Armani, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rolex. Sau đó, K và Q đem số tài sản trên về phòng trọ của Q tại khu phố 5, phường D, thành phố Biên Hòa thì gặp Phạm Anh Đ là bạn của K và Q đến chơi trong phòng nên K và Q nói cho Đ biết số tài sản trên do K và Q trộm cắp mà có và K cho Đ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Motorola để Đ sử dụng.

Vụ thứ 03: Sau khi về phòng trọ khoảng 30 phút, K rủ Q tiếp tục quay lại nhà anh Nguyễn Trung K1 để trộm cắp tài sản. K điều khiển xe đạp hiệu Martin chở Q đến nhà anh K1 và cả hai đột nhập vào trong nhà lấy trộm 01 tivi hiệu Samsung 40 inch, 01 tivi hiệu Toshiba 32 inch, 01 thùng CPU, 01 màn hình máy tính hiệu LG 27 inch, 01 xe đạp hiệu Martin. Sau đó, K và Q lục tìm chìa khóa cổng và mở cổng rồi dùng xe đạp chở tất cả số tài sản trên về phòng trọ của Q tại khu phố 5, phường D, thành phố Biên Hòa cất giấu. Khoảng 06 giờ 00 cùng ngày, K và Q đem chiếc xe đạp hiệu Martin bán cho 01 người phụ nữ nhặt ve chai (không rõ họ tên, địa chỉ) tại khu vực cầu Bửu Hòa được 500.000 đ (Năm trăm ngàn đồng). Đến khoảng 11 giờ 00 cùng ngày, K và Đ đem chiếc máy tính xách tay hiệu Dell đến tiệm cầm đồ “Quốc T3” ở tổ 21, khu phố 5, phường D, thành phố Biên Hòa và cầm cho anh Đỗ Văn T3 (là chủ tiệm) được 1.000.000đ (Một triệu

đồng) và K đưa cho Đ 800.000đ (tám trăm ngàn đồng) để Đ đi chuộc xe mô tô biển số 60S7-7838 của Đ đã cầm trước đó.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, K và Q đem thùng CPU máy tính và màn hình máy tính hiệu LG đến tiệm mua bán, sửa chữa máy tính của anh Nguyễn Như P ở số 23, đường Nguyễn Ái Quốc, khu phố 2, phường B, thành phố Biên Hòa và bán cho anh P được 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng). Đến 18 giờ 00 phút cùng ngày, Q điều khiển xe mô tô biển số 60S7- 7838 chở Đ mang chiếc tivi hiệu Samsung 40 inch đi trên đường Phạm Văn Thuận thuộc phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa để tìm nơi tiêu thụ thì bị tổ phòng chống tội phạm thành phố Biên Hòa phát hiện và đưa về Công an phường Tam Hiệp lập hồ sơ chuyển đến Công an phường Trảng Dài. Quá trình làm việc tại Công an phường Trảng Dài thì K, Q và Đ đã bỏ trốn nên Công an phường D đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa điều tra, xác minh. Đến ngày 12/9/2019, Phạm Anh Đ đến Công an phường Trảng Dài đầu thú, còn Lê Đức K và Lê Đức Q bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa bắt, tạm giữ.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô biển số 68T3-8867.
- 01 máy tính xách tay hiệu Dell, 01 tivi hiệu Samsung 40 inch, 01 tivi hiệu Toshiba 32 inch, 01 điện thoại di động hiệu Motorola, 01 điện thoại di động hiệu Philip, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6700, 01 thùng CPU, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rado, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Armani, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rolex.
- 01 xe đạp hiệu Martin.
- 01 xe mô tô biển số 60S7-7838

Tại Bản kết luận định giá số 423/TCKH-HĐĐG ngày 18/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: *“01 máy tính xách tay hiệu Dell trị giá 3.780.000đ (Ba triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng), 01 điện thoại di động hiệu Motorola trị giá 210.000đ (Hai trăm mười ngàn đồng), 01 điện thoại di động hiệu Philip trị giá 210.000đ (Hai trăm mười ngàn đồng), 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6700 trị giá 760.000đ (Bảy trăm sáu mươi ngàn đồng), 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rado trị giá 100.000đ (Một trăm ngàn đồng), 01 đồng hồ đeo tay hiệu Armani trị giá 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng), 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rolex trị giá 100.000đ (Một trăm ngàn đồng), 01 tivi hiệu Samsung 40 inch trị giá 690.000đ (Sáu trăm chín mươi ngàn đồng), 01 tivi hiệu Toshiba 32 inch trị giá 1.650.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng), 01 thùng CPU trị giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng)”*.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Bích T2 đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.
- Anh Đỗ Hùng L yêu cầu bị cáo K, Q phải bồi thường 10.000.000 đ (Mười triệu đồng). Hiện K và Q chưa bồi thường.

Anh Nguyễn Trung K1 nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Nguyễn Như P mua thùng CPU máy tính và màn hình máy tính hiệu LG với giá 2.500.000đ nhưng không biết đây là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có và không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 2.500.000 đồng.

- Anh Đỗ Văn T3 cầm chiếc máy tính xách tay hiệu Dell với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng) nhưng không biết đây là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có và không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 1.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã xử lý trả lại:

- Xe mô tô hiệu Honda Lead, biển số 60B4- 411.36 cho chị Nguyễn Thị Bích T2.

- 01 máy tính xách tay hiệu Dell, 01 điện thoại di động hiệu Motorola, 01 điện thoại di động hiệu Philip, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6700, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rado, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Armani, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rolex, 01 tivi hiệu Samsung 40 inch, 01 tivi hiệu Toshiba 32 inch, 01 thùng CPU cho anh Nguyễn Trung K1.

- 01 xe đạp hiệu Martin do Lê Đức Q mượn của mẹ ruột là bà Lê Thị M và bà M không biết việc Q sử dụng xe vào việc phạm tội.

- 01 màn hình máy tính hiệu LG 27 inch K và Q bán cho anh Nguyễn Như P sau đó anh P đã bán cho 01 người không rõ họ tên, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu hồi được.

- 01 xe đạp hiệu Martin do K và Q đã bán cho 01 người phụ nữ không rõ họ tên, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu hồi được.

- 01 xe mô tô biển số 68T3- 8867 Lê Đức Q mượn của chị Nguyễn Thị Tố U1, ngụ tại khu phố An Hòa, phường C, thành phố Biên Hòa. Qua làm việc thì chị U1 khai mua lại của 01 người không rõ họ tên, địa chỉ. Hiện nay chưa xác minh được nguồn gốc xe nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ để xác minh và xử lý sau.

- 01 xe mô tô biển số 60S7-7838, Phạm Anh Đ mượn của 01 người bạn không rõ họ tên, địa chỉ. Hiện nay chưa xác minh được chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ để xác minh và xử lý sau.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Đức K, Lê Đức Q thừa nhận hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Bích T2 01 xe mô tô hiệu Honda Lead, biển số 60B4- 411.36; chiếm đoạt của anh Nguyễn Trung K1 01 máy tính xách tay hiệu Dell, 01 điện thoại di động hiệu Motorola, 01 điện thoại di động hiệu Philip, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6700, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rado, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Armani, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rolex, 01 tivi hiệu Samsung 40 inch, 01 tivi hiệu Toshiba 32 inch, 01 thùng CPU, 01 màn hình máy vi tính hiệu LG 27 inch và 01 chiếc xe đạp hiệu Martin với tổng giá trị là 29.245.000đ (Hai mươi chín triệu

hai trăm bốn mươi lăm ngàn đồng). Và Phạm Anh Đ đã tiêu thụ 01 điện thoại di động hiệu Motorola, 01 máy tính xách tay hiệu Dell, 01 tivi hiệu Samsung 40 inches do Lê Đức Q và Lê Đức K phạm tội mà có với tổng giá trị là 4.680.000đ (Bốn triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng). Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo Lê Đức K, Lê Đức Q và Phạm Anh Đ không có ý kiến khiếu nại đối với các quyết định, hành vi của cơ quan, người tiến hành tố tụng cũng như các Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa. Ngoài ra, bị cáo Lê Đức Q tự nguyện bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho anh Đỗ Hùng L.

Anh Đỗ Hùng L trình bày: Thời điểm bị cáo K, Q cùng chị L1 đến cầm chiếc xe mô tô hiệu Honda Lead, biển số 60B4- 411.36 thì anh không có mặt ở tiệm mà do nhân viên của anh nhận. Người ký giấy cầm cố xe là chị L1 vì chị L1 có chứng minh nhân dân. Khi cầm cố xe thì anh hoàn toàn không biết đây là tài sản do các bị cáo trộm cắp có được. Hiện nay các bị cáo vẫn chưa bồi thường cho anh số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Đức Q có ý kiến tự nguyện bồi thường cho anh số tiền 10.000.000 đồng thì anh cũng đồng ý.

Bản cáo trạng số 193/CT-VKSBH ngày 31/03/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố các bị cáo Lê Đức Q, Lê Đức K về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Phạm Anh Đ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự (được sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Đức K, Lê Đức Q thừa nhận hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Bích T2 01 xe mô tô hiệu Honda Lead, biển số 60B4- 411.36; chiếm đoạt của anh Nguyễn Trung K1 01 máy tính xách tay hiệu Dell, 01 điện thoại di động hiệu Motorola, 01 điện thoại di động hiệu Philip, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6700, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rado, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Armani, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rolex, 01 tivi hiệu Samsung 40 inch, 01 tivi hiệu Toshiba 32 inch, 01 thùng CPU, 01 màn hình máy vi tính hiệu LG 27 inch và 01 chiếc xe đạp hiệu Martin. Và Phạm Anh Đ đã tiêu thụ 01 điện thoại di động hiệu Motorola, 01 máy tính xách tay hiệu Dell, 01 tivi hiệu Samsung 40 inches do Lê Đức Q và Lê Đức K phạm tội mà có.

Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo Lê Đức K, Lê Đức Q chiếm đoạt được là 29.245.000đ (Hai mươi chín triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn đồng), và Phạm Anh Đ đã tiêu thụ tài sản do Lê Đức Q và Lê Đức K phạm tội mà có với tổng giá trị là 4.680.000đ (Bốn triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Lê Đức Q, Lê Đức K về tội “Trộm cắp tài sản” và Phạm Anh Đ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Đức K từ 01 năm 08 tháng tù đến 02 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Đức Q từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

- Áp dụng đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt bị cáo Phạm Anh Đ từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Bích T2 đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

- Anh Nguyễn Trung K1 nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

- Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo K cho anh Đỗ Hùng L số tiền 10.000.000 đ (Mười triệu đồng).

- Anh Nguyễn Như P mua thùng CPU máy tính và màn hình máy tính hiệu LG với giá 2.500.000đ nhưng không biết đây là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có và không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 2.500.000 đồng.

- Anh Đỗ Văn T3 cầm chiếc máy tính xách tay hiệu Dell với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng) nhưng không biết đây là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có và không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 1.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã xử lý trả lại:

- Xe mô tô hiệu Honda Lead, biển số 60B4- 411.36 cho chị Nguyễn Thị Bích T2.

- 01 máy tính xách tay hiệu Dell, 01 điện thoại di động hiệu Motorola, 01 điện thoại di động hiệu Philip, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6700, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rado, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Armani, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rolex, 01 tivi hiệu Samsung 40 inch, 01 tivi hiệu Toshiba 32 inch, 01 thùng CPU cho anh Nguyễn Trung K1.

- 01 xe đạp hiệu Martin cho bà Lê Thị M là mẹ ruột của bị cáo Lê Đức Q và bà M không biết việc Q sử dụng xe vào việc phạm tội.

- 01 màn hình máy tính hiệu LG 27 inch K và Q bán cho anh Nguyễn Như P sau đó anh P đã bán cho 01 người không rõ họ tên, địa chỉ nên không thu hồi được.

- 01 xe đạp hiệu Martin do K và Q đã bán cho 01 người phụ nữ không rõ họ tên, địa chỉ nên không thu hồi được.

- Xe mô tô biển số 68T3- 8867 Lê Đức Q mượn của chị Nguyễn Thị Tô U1, ngụ tại khu phố An Hòa, phường C, thành phố Biên Hòa. Qua làm việc thì chị U1

khai mua lại của 01 người không rõ họ tên, địa chỉ. Hiện nay chưa xác minh được nguồn gốc xe nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ để xác minh và xử lý sau

- Xe mô tô biển số 60S7-7838, Phạm Anh Đ mượn của 01 người bạn không rõ họ tên, địa chỉ. Hiện nay chưa xác minh được chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ để xác minh và xử lý sau.

- Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo Lê Đức K nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Lê Đức Q nói lời nói sau cùng: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Phạm Anh Đ nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở tài liệu chứng cứ và lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đủ cơ sở xác định: Các bị cáo Lê Đức K, Lê Đức Q và Phạm Anh Đ đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có cụ thể:

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 30/8/2019, Lê Đức K đem theo 01 mô lét rử Lê Đức Q đi trộm cắp tài sản thì Q đồng ý. Khi đến nhà của chị Nguyễn Thị Bích T2 tại khu phố 5A, phường D, thành phố Biên Hòa thì phát hiện cửa khóa và không có người trông coi nên K dùng mô lét bẻ gãy khoen khóa cửa rồi cả hai đột nhập vào bên trong trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda Lead, biển số 60B4- 411.36 và gửi tại phòng trọ của chị Lý Thị Ngọc L1 (là bạn của Q). Sau đó, Q nói dối là xe Q mượn của vợ K để đem đi cầm nhưng Q không có giấy chứng minh nhân dân nên nhờ chị L1 đi cầm dùm, tưởng thật nên chị L1 đồng ý. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, chị L1 đi cùng K và Q đem xe mô tô trên đến tiệm cầm đồ “Hùng L” ở khu phố Đông Tác, phường A, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương và cầm cho anh Đỗ

Hùng L được 10.000.000 đồng, sau đó K chia cho Q 3.800.000 đồng, còn lại Q và K cùng nhau tiêu xài hết.

Khoảng 01 giờ 30 ngày 05/9/2019, K tiếp tục đem theo 01 mỏ lết và rủ Q đi trộm cắp tài sản thì Q đồng ý. Cả hai đi đến nhà anh Nguyễn Trung K1, ở tổ 22A, khu phố 2, phường D, thành phố Biên Hòa thì phát hiện nhà khóa cổng và khóa cửa ngoài nên cả hai trèo qua hàng rào vào bên trong sân rồi K dùng mỏ lết bẻ gãy khoen khóa cửa để đột nhập vào trong nhà lấy trộm 01 máy tính xách tay hiệu Dell, 01 điện thoại di động hiệu Motorola, 01 điện thoại di động hiệu Philip, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6700, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rado, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Armani, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rolex. Sau đó, K và Q đem số tài sản trên về phòng trọ của Q tại khu phố 5, phường D, thành phố Biên Hòa thì gặp Phạm Anh Đ là bạn của K và Q đến chơi trong phòng nên K và Q nói cho Đ biết số tài sản trên do K và Q trộm cắp mà có và K cho Đ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Motorola để Đ sử dụng.

Sau khi về phòng trọ khoảng 30 phút, K rủ Q tiếp tục quay lại nhà anh Nguyễn Trung K1 để trộm cắp tài sản. K điều khiển xe đạp hiệu Martin chở Q đến nhà anh K1 và cả hai đột nhập vào trong nhà lấy trộm 01 tivi hiệu Samsung 40 inch, 01 tivi hiệu Toshiba 32 inch, 01 thùng CPU, 01 màn hình máy tính hiệu LG 27 inch, 01 xe đạp hiệu Martin. Sau đó, K và Q lục tìm chìa khóa cổng và mở cổng rồi dùng xe đạp chở tất cả số tài sản trên về phòng trọ của Q cất giấu.

Khoảng 06 giờ 00 cùng ngày, K và Q bán chiếc xe đạp hiệu Martin bán cho 01 người phụ nữ nhặt ve chai (không rõ họ tên, địa chỉ) tại khu vực cầu Bửu Hòa được 500.000 đồng. Đến khoảng 11 giờ 00 cùng ngày, K và Đ cầm chiếc máy tính xách tay hiệu Dell cho anh Đỗ Văn T3 ở tổ 21, khu phố 5, phường D, thành phố Biên Hòa được 1.000.000 đồng; K đưa cho Đ 800.000 đồng để Đ đi chuộc xe mô tô biển số 60S7-7838 của Đ đã cầm trước đó. Khoảng 15 giờ cùng ngày, K và Q đem bán thùng CPU và màn hình máy tính hiệu LG cho anh Nguyễn Như P ở số 23, đường Nguyễn Ái Quốc, khu phố 2, phường B, thành phố Biên Hòa được 2.500.000 đồng. Đến 18 giờ 00 phút cùng ngày, Q điều khiển xe mô tô biển số 60S7- 7838 chở Đ mang chiếc tivi hiệu Samsung 40 inch đi tìm nơi tiêu thụ thì bị tổ phòng chống tội phạm thành phố Biên Hòa phát hiện. Quá trình làm việc tại Công an phường D thì K, Q và Đ đã bỏ trốn. Đến ngày 12/9/2019, Phạm Anh Đ đến Công an phường D đầu thú, còn Lê Đức K và Lê Đức Q bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa bắt, tạm giữ

[3] Tại Kết luận định giá số 514/TCKH-HĐĐG ngày 10/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: *“01 xe mô tô hiệu Honda Lead, biển số 60B4- 411.36 trị giá 19.145.000 đ (Mười chín triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)”*.

Kết luận định giá số 423/TCKH-HĐĐG ngày 18/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: *“01 máy tính xách tay hiệu Dell trị giá 3.780.000đ (Ba triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng), 01 điện thoại di động hiệu Motorola trị giá 210.000đ (Hai trăm mười ngàn đồng), 01 điện thoại di động hiệu*

Philip trị giá 210.000đ (Hai trăm mười ngàn đồng), 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6700 trị giá 760.000đ (Bảy trăm sáu mươi ngàn đồng), 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rado trị giá 100.000đ (Một trăm ngàn đồng), 01 đồng hồ đeo tay hiệu Armani trị giá 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng), 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rolex trị giá 100.000đ (Một trăm ngàn đồng), 01 tivi hiệu Samsung 40 inch trị giá 690.000đ (Sáu trăm chín mươi ngàn đồng), 01 tivi hiệu Toshiba 32 inch trị giá 1.650.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng), 01 thùng CPU trị giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng)”.

Do đó, hành vi của các bị cáo Lê Đức K, Lê Đức Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và Phạm Anh Đ cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật công nhận và bảo vệ. Mặc dù các bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền thỏa mãn nhu cầu của cá nhân nên các bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Hành vi của các bị cáo còn gây tâm lý bất an trong nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo K, Q liên tiếp thực hiện 03 lần phạm tội trong khi bị cáo Đ đã có 02 tiền án về tội cướp giật tài sản nhưng các bị cáo vẫn không lấy đó làm bài học để sửa đổi mà vẫn tiếp tục phạm tội. Do đó, cần có mức hình phạt thật nghiêm để cải tạo, răn đe đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm nói chung.

Xét vai trò các bị cáo trong vụ án này tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có bàn bạc, thỏa thuận, hứa hẹn hay phân công nhau để thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, bị cáo K là người rủ rê bị cáo Q cùng phạm tội nên có mức án cao hơn bị cáo Q. Riêng bị cáo Đ mặc dù không hứa hẹn trước nhưng sau khi nghe các bị cáo nói về số tài sản do trộm cắp mà có được thì cũng đồng ý đi tiêu thụ cùng các bị cáo nên phải chịu trách nhiệm về hành vi tiêu thụ tài sản do bị cáo K, Q trộm cắp có được.

[5] Về nhân thân:

Bị cáo Lê Đức K, Lê Đức Q chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Phạm Anh Đ có 03 tiền án và nhân thân, cụ thể:

Nhân thân: Ngày 17/10/2001, bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Ngày 24/02/2003, bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Ngày 20/03/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 10/10/2008, bị Tòa án nhân dân Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền án: Ngày 22/6/2010, bị Tòa án nhân dân Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 04 năm 03 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản”.

- Ngày 10/12/2013, bị Tòa án nhân dân Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 05 năm 06 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản”.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Đức K, Lê Đức Q, Phạm Anh Đ phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, riêng bị cáo Phạm Anh Đ còn được áp dụng thêm tình tiết đầu thú theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[9] Về biện pháp tư pháp:

- Chị Nguyễn Thị Bích T2, anh Nguyễn Trung K1 đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

- Bị cáo Lê Đức Q tự nguyện bồi thường cho anh Đỗ Hùng L số tiền 10.000.000 đ (Mười triệu đồng) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Anh Nguyễn Như P không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 2.500.000 đồng và anh Đỗ Văn T3 không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 1.000.000 đồng nên không đặt ra xem xét. Trường hợp anh Nguyễn Như P, Đỗ Văn T3 có yêu cầu đối với số tiền này có quyền khởi kiện yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền nêu trên.

- Đối với 01 xe đạp hiệu Martin do Lê Đức Q mượn của mẹ ruột là bà Lê Thị M và bà M không biết việc Q sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả cho bà Lê Thị M nên không đặt ra xem xét.

[10] Đối với chị Lý Thị Ngọc L1 đã giúp Lê Đức Q và Lê Đức K cầm xe mô tô hiệu Honda Lead, biển số 60B4- 411.36 nhưng không biết là tài sản do Q và K phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý.

- Đối với anh Đỗ Hùng L đã nhận cầm chiếc xe mô tô hiệu Honda Lead, biển số 60B4- 411.36, anh Đỗ Văn T3 đã nhận cầm chiếc máy tính xách tay hiệu Dell, anh Nguyễn Như P đã mua 01 thùng CPU máy tính và màn hình máy tính hiệu LG nhưng không biết đây là tài sản do Q và K phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý.

- Xe mô tô biển số 68T3- 8867 Lê Đức Q mượn của chị Nguyễn Thị Tố U1, ngụ tại khu phố An Hòa, phường C, thành phố Biên Hòa. Qua làm việc thì chị U1 khai mua lại của 01 người không rõ họ tên, địa chỉ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh và xử lý sau

- Xe mô tô biển số 60S7-7838, Phạm Anh Đ mượn của 01 người bạn không rõ họ tên, địa chỉ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục

xác minh và xử lý sau.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố các bị cáo Lê Đức K, Lê Đức Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và Phạm Anh Đ về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 của Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Đức K, Lê Đức Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” và Phạm Anh Đ phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Lê Đức K 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2019.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Đức Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 15/9/2019.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Anh Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2019.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

- Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Lê Đức Q cho anh Đỗ Hùng L số tiền 10.000.000 đ (Mười triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Luật phí và lệ phí năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Đức K, Lê Đức Q, Phạm Anh Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Lê Đức Q phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Đức K, Lê Đức Q, Phạm Anh Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Hùng L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị Nguyễn Thị Bích T2, anh Nguyễn

Trung K1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn T3, Nguyễn Như P vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan thi hành án hình sự thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Đức

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa